

16. Đài kỷ-niệm

1. Giữa những tán cây cỏ-thụ xanh tươi, về phía tay mặt công chính vườn Bách-thảo, ngôi đền kỷ-niệm oai-nghiêm đứng đối-diện với viện Bảo-tàng.
2. Tòa nhà hình dáng cân-đối và trang-nghiêm. Mái hơi uốn cong, màu ngói rêu phong nổi bật dưới trời xanh thắm. Bước chân đến sân đền, du-khách gặp trước tiên một tấm bia khắc ba chữ « Đài Kỷ-Niệm ». Kế đến hai đỉnh đồng đặt dưới chân giữa hai mươi bực thêm dẫn đến cửa đền sơn son thếp vàng.

Hàng ngày, các cửa đều đóng kín và chỉ mở ra khi nào có cuộc lễ.

3. Trong đền, ngoài mười hai cây cột to sơn đỏ sẫm, cao ngất, người ta trông thấy một bàn thờ bày chính giữa, trên có đỉnh trầm và bình bông. Phía sau có treo chân-dụng đức Khổng-Tử.

Về thời Pháp-thuộc, đền này là nơi kỷ-niệm những công-binh Việt-Nam tử-trận trong cuộc thế-chiến thứ nhất.

Theo GIANG MINH LÝ
(Tập-chí Duy-lân)

Phát-âm : Oai-nghiêm — tàn — tàng.

Giải-nghĩa : Tàn : đồ dùng để rước thần, như hình cái lọng làm



bằng vóc rú dài xuống; đây nói cảnh lá xòe ra, tròn như cái tàn. Phong : phủ lên. Đỉnh : cái vạc có ba chân. Sơn son : quét một thứ thuốc màu đỏ ở bên ngoài. Thếp vàng : phủ lên nét chữ hay nét vẽ một lượt vàng dát rất mỏng. Khổng-Tử : vị thánh-sư trong Nho-giáo, người nước Lỗ bên Tàu. Công-binh : binh-sĩ chuyên về việc làm thợ. Thế-chiến thứ nhất : cuộc thế giới chiến tranh từ 1914 đến 1918, trong đó nước Pháp đánh nhau với nước Đức.

Phân đoạn :

1. — Vị-tri của Đài Kỷ-niệm.
2. — Hình-dáng và mặt tiền của tòa nhà.
3. — Trong đền thờ đức Khổng-Tử.

Đại-ý : Đền Kỷ-niệm là một ngôi đền trang-nghiêm và cô-kính trong thờ đức Khổng-Tử.

Câu hỏi : Ý tưởng. — Đài Kỷ-niệm được dựng ở đâu ? Hình-dáng đài thế nào ? Bước chân đến sân đền, du-khách thấy gì ? Trong đền có gì ? Hiện nay đền này thờ vị nào ? Khi nào người ta mở cửa đền ?

Lời văn. — « Đỉnh đối diện » là đứng thế nào ? Tìm mấy từ-ngữ ghép bắt đầu bằng tiếng « du » như « du-khách ». Cái đỉnh nhỏ và thấp làm bằng đồng, dùng để đốt trầm hương gọi là gì ?



17. Vườn Bách-thú

1. Tâm-Hương dẫn xe đạp đi bách bộ vòng quanh sở Thú, mắt mơ-máng nhìn vào những cụm hoa xinh đẹp, tươi tắn vừa hé nở ban mai mà sương còn đọng ướt.
2. Tới băng đá gần chuồng gấu, Tâm-Hương dựng xe vào một thân cây sao, ngồi xuống lơ-đãnh ngó ra mặt hồ.

Nàng nhớ lại ngày mười hai tuổi, còn là một nữ-sinh năng thường vận đồ đầm đi xe đạp theo cha vào vãn cảnh ở đây. Muốn ngàn muôn thú lạ-lùng đã giúp nàng hiểu biết thêm sau những bài cách-tri ở trường. Từ chuồng cọp, chuồng beo, cá sấu, mèo rừng, gấu, trăn, đến những chim muông, trăm thú lạ đã khiến nàng theo cha xem không mỏi mắt.

THEO THIẾU-LANG-QUAN
(Trận giặc lòng)



Phát-âm : Muốn ngàn — muôn thú — xinh.
Giải-nghĩa : Băng : cái ghế dài (do tiếng Pháp).
Cây sao : thứ cây to, gỗ rắn chắc dùng làm nhà cửa và làm cầu.
Lơ-đãnh : không chú ý.

Ngó : để mắt nhìn.

Vãn cảnh : thăm cảnh.

Muông thú : loài thú.

Chim muông : loài chim và loài thú.

Phân đoạn :

- 1.— Tâm-Hương dạo quanh sở Thú.
- 2.— Tâm-Hương nhớ lại hồi còn nhỏ nàng đã theo cha vãn cảnh ở đây.

Đại-ý : Tâm-Hương đi dạo sở Thú, nhớ lại ngày còn là học-sinh, nàng đã theo cha vào đây xem các muông thú lạ-lùng.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Tâm-Hương dắt xe đạp đi bộ để làm gì ?
Ngồi trên băng đá nàng làm gì ?
Nàng hồi tưởng lại ngày nào ?
Nàng đã trông thấy ở sở Thú những con vật gì ?
Cuộc vãn cảnh hồi đó đã giúp ích cho Tâm-Hương những gì ?

Lời văn.— « Đi bách bộ » nghĩa là gì ?
Tìm tiếng đồng-nghĩa với tiếng « ban mai ».
Tìm trong bài hai danh-từ đã do tiếng Pháp mà ra.
Câu nào tả lòng vui thích của Tâm-Hương khi còn nhỏ vào thăm sở Thú ?

18. Ngôi trường

Ngôi trường tiểu-học vùng tôi,
Xinh xinh nằm dưới chân đồi cuối thôn.
Bên con sông nước chảy chậm chờn,
Xa xa sóng lúa xanh rờn nhấp nhô,
Giữa sân cao ngất cột cờ,
Bồn hoa tươi thắm, hương đưa ngọt ngào
Có sân bóng, có đu cao
Vũ cầu, bóng rổ, đu nhào sà ngang.
Sân chơi rợp bóng đa, bàng,
Học-đường-viên với những hàng rau tươi.
Phụ-huynh qua lại đều cười,
Nhìn ngôi trường của mọi người góp công.

MẠC-Y-LY

Phát-âm : Cuối — phụ-huynh — rau — nhìn.

Giải-nghĩa : Sóng lúa : nói gió thổi qua cánh đồng làm ngọn lúa nhấp nhô như sóng gợn — Học-đường-viên : vườn riêng của nhà trường để cho học-sinh tập trồng-trọt.

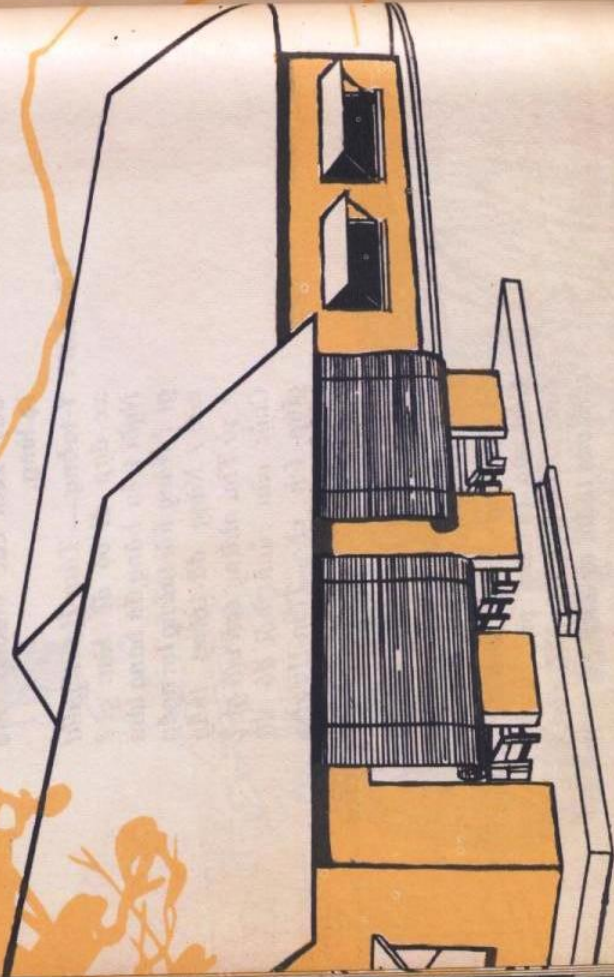
Đại-ý : Ngôi trường đẹp và đầy đủ tiện-nghị này là do công của phụ-huynh trong vùng xây-dựng.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Ngôi trường tả trong bài này ở đâu ? Gần trường có gì ? Trong trường người ta thấy có những gì ? Tại sao phụ-huynh qua lại ngôi trường lại vui cười ?

Lời văn. — Phần-nghĩa với « cuối » là gì ? Tìm mấy tiếng ghép bằng hai tiếng giống nhau như « xinh xinh ». « Nhấp nhô » là sóng lúa thế nào ? « Rợp » nghĩa là gì ?



TRƯỜNG TIỂU-HỌC



Chuột đồng và chuột tinh

Một ngày hè, chuột đồng mời chuột tinh về quê chơi.

Quen sống ở nơi phồn-hoa đô-hội, chuột tinh cũng thích không-khi thơm lánh mùi lúa chín, những vườn cây tươi tốt, nhưng thấy bữa ăn thanh-đạm của chuột đồng thì chán ngán. Nó la lên :

« Thế nào ! Em chỉ ăn mấy hạt lúa này và mấy cái rễ cây thôi ư ? Ăn thế sống sao được ! Chả bù với chị. Chị có đủ thứ ngon lành để nhấm-nhap cả ngày. Bữa nay em hãy ra. tinh chơi, chị sẽ đãi em những bữa ăn thịnh-soạn ».

Chuột đồng thích lắm, theo ngay chuột tinh. Hai con vật tới một tòa nhà nguy-nga lộng-lẫy của phú-ông.

Chuột tinh dẫn chuột đồng vào bếp. Thấy trên cái kệ hộp đường miếng, chuột tinh dùng mõm nhọn trở ngay một lỗ thủng rồi cả hai ra sức gặm đường. Chuột đồng mê man ăn, vì chưa bao giờ được món ăn nào ngon thế.

Bỗng cửa bếp mở đánh rầm một cái ! Chị ở vào lấy bột.

« Mau, mau, chạy trốn đi ! » Chuột tinh thì tháo gọi chuột đồng. Hai con vật hốt hoảng chui thọt qua lỗ hồng ra ngoài.

Chuột đồng run đậy đây, nhưng chuột tinh vội bảo :
« Không sao đâu, chị ấy đi rồi mình lại vào ».

Một lát sau chúng trở lại bếp. Lần này chúng leo tuốt lên cái kệ cao nhất. Trên ấy có rổ cà chua. Chúng cùng cắn vào quả cà lớn nhất, chín đỏ.

« Ái chà ! còn ngon hơn cà đường nữa ! » Chuột đồng tự nghĩ. Chưa bao giờ nó gặm nhanh đến thế !

Bỗng có tiếng sột-soạt ở cửa bếp, tiếp đến tiếng kêu :
« Meo ! Meo !... »

— « Im ! » Chuột tinh khẽ nói và nhẩy thụt vào khe cửa. Chuột đồng kinh-hoảng nhẩy theo, hỏi : « Cái gì thế ? »

— « Mèo đấy ! Nó thấy mình thì thật chết ! »

— « Ghê quá ! Thời mình đừng trở lại nữa chị ạ. » Chuột đồng vừa rùng mình vừa nói.

— « Ừ thôi ! Đề chị dẫn em vào kho. »

Trong kho thòi thì đủ thứ ! Nào mỡ, nào pho mát, nào xúc-xích, nhiều lắm ! Chuột đồng mê mẩn không biết ăn gì trước, ăn gì sau, chạy hết đầu này tới đầu nọ, cắn miếng này lại gặm miếng khác. Thấy một miếng mỡ nướng thơm phức trong một cái máy là lạ, nó tinh lại gần, thì chuột tinh đã gọi giật lại : « Chớ ! Bấy đấy ! Nó sập xuống thì tan xương ! »

Hù vía, chuột đồng đứng khựng lại, ngơ ngác, hết nhìn cái bấy, lại nhìn miếng mỡ, rồi nói : « Thôi chị ơi ! Đề em về. Em nghĩ chẳng thà chỉ ăn lúa và rễ cây như ở đồng, còn hơn ở đây ăn ngon mà lúc nào cũng lo sợ phập phồng. »

Từ đó, chuột đồng an phận sống nơi đồng rộng thênh-thang, không hề nhớ tới nơi thị-thành, lộng-lẫy, nhưng đầy cạm bẫy nguy-hiêm.

H.T.M.

Đại ý. — Phong-lưu là cạm trên đời.

19. Buổi chiều ở thành-phố

1. Cái oi bức đã bớt dần. Những ngọn gió nam đưa về khua tan cái nóng còn sót lại. Phố-sá thưa thớt buổi trưa lại bắt đầu rộn-rịp.
2. Từng'chuối xe nối đuôi nhau chạy trên các ngã đường, dưới bóng những cây cao vút hay dưới ánh nắng xiên xiên của buổi chiều.

Trên các hè phố, người có việc cũng như khách dạo chơi chen vai đi lại. Các cửa hàng bày những thứ mới đẹp sau những khung gương sáng loáng.



Ở một phố gần chợ, những lều bán đủ các thứ vải lụa bóng xa-hoa đối-diện với các hiệu lớn làm hẹp cả lối đi. Chỗ này sao mà đông người thế! Họ tràn đi như những lớp sóng, lối cuốn cả những người đang đứng mua hàng.

3. Đem xuống. Những chuỗi đèn chột bừng sáng lên, khắp nẻo chói lọi như sao sa. Tiếng nhạc du-dương nổi lên từ trà-thất nọ đưa ra, làm cho người ta có cảm-giác đang đứng trong hội hoa đăng.

THỂ VIỆT

Phát-âm :

Đuôi — sáng-loáng — chuỗi.

Giải-nghĩa : Chuỗi : sợi dây dằng dề xâu hạt; nghĩa rộng nói cả một xâu.

Chuối xe : một dãy xe chạy sát nhau.

Sao sa : mảnh sao trên trời rơi xuống có ánh-sáng đẹp.

Trà-thất : tiệm bán nước trà và các đồ giải-khát khác.

Cảm-giác : cảm thấy mà biết.

Hội hoa-dăng : hội lớn có kết hoa và trưng đèn.

Phân đoạn :

1.— Xế chiều, trời bớt nóng.

2.— Phố sá đông-đúc rộn-rịp.

3.— Đem xuống cảnh thêm rực-rỡ tung bừng.

Đại-y : Thành-phố đông-đúc rộn-rịp về chiều và tung bừng rực-rỡ về đêm.

Câu hỏi : Ý-tưởng — Tại sao phố-sá buổi trưa lại thưa thớt? Buổi chiều trên các ngã đường trong thành-phố người ta thấy gì? Cảnh-tượng trên hè phố thế nào? Tại sao lối đi trên hè lại bị hẹp đi? Đem xuống trước cảnh tung bừng và rực-rỡ của thành-phố, người ta có cảm-tưởng gì?

Lời văn. — Những câu nào trong đoạn đầu tả không-khí đầu của buổi chiều? « Chuối xe », thay tiếng « chuỗi » bằng tiếng khác. Đoạn người tràn đi trên hè phố vì như cái gì? Những tiếng nào trong đoạn cuối tả cảnh rực-rỡ của thành phố về đêm?

20. Cảnh kẹt xe

1. Một buổi chiều nào đó, nhằm giờ-tan sớm, khi trời đã bớt nóng, xin mời bạn hãy đứng đỉnh bước trên lề đường theo dòng người và xe cộ, bạn sẽ thấy diễn ra không biết bao nhiêu cảnh-tượng rất buồn cười.
2. Hàng trăm chiếc xe đủ các loại sẽ bị ngừng lại, tắc-tử ở một quãng đường, có khi chỉ vì một chiếc xe hơi hoặc một chiếc xích-lô quay ngang để quành lại. Cũng có khi chẳng vì một chướng-ngại nào cả mà cũng thành cảnh kẹt xe : một xe hơi chạy quá trớn không kịp nhường chiếc xe bên phải, đến lúc thắng lại thì từ phía đã chật ních những xe, tiến cũng không tiến được mà lùi cũng không lùi được nữa...
3. Hàng trăm tiếng còi nổi lên inh-ỏi. Xe nọ chen lấn xe kia từng nửa bánh... Những giọng nói hân-học, những nét mặt đăm-chiêu, phải chăng đó là những nét điển-hình của cuộc đời cạnh-tranh nơi đô-thị ?

Theo NGUYỄN-HOẠT
(Trăng nước Đồng-nai)

Phát-âm : Hoặc —.quành lại — inh-ỏi.

Giải-nghĩa : Đứng-đỉnh : thông thả, coi bộ không cần, không vội. Cảnh-tượng : hình-trạng các vật bày ra trước mắt. Chướng-ngại : sự ngăn-trở. Đăm-chiêu : có vẻ nghi-ngợi, lo-lắng. Điển-hình : khuôn phép, mẫu-mực, đây là những nét đặc-biệt của cuộc sống cạnh tranh ở nơi đô-thị.

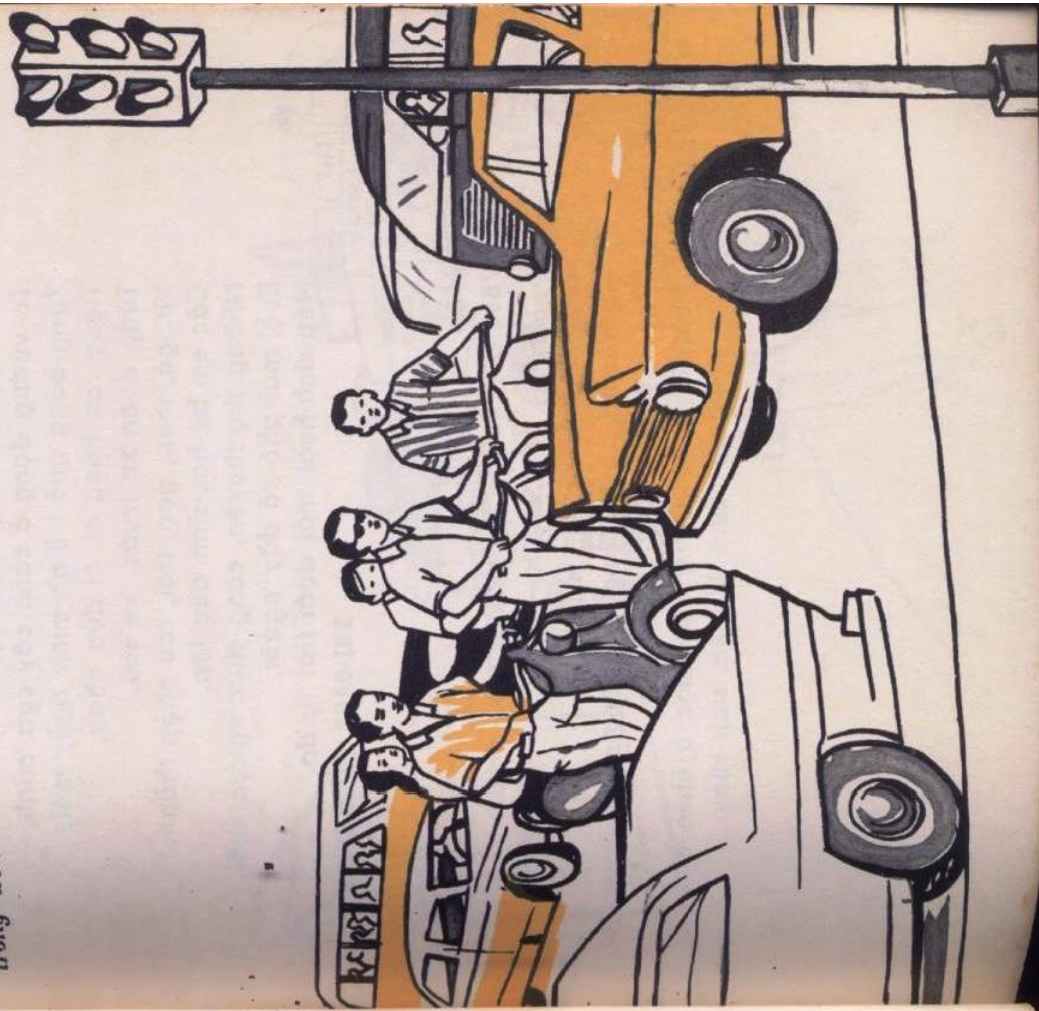
Phân đoạn :

- 1.— Đường phố buổi chiều vào giờ tan sớm.
- 2.— Cảnh kẹt xe trên đường.
- 3.— Cảnh nghẽn trước cảnh kẹt xe.

Đại-ý : Cảnh kẹt xe thường xảy ra về buổi chiều vào giờ tan sớm, thật là một sự hỗn-độn làm ngán-trở việc lưu-thông.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Bài này tả cảnh gì ? Thường thường, tại sao xảy ra cảnh kẹt xe ? Cảnh-tượng nơi kẹt xe thế nào ? Tại sao có những giọng hân-học ? Xe nọ chen lấn xe kia để làm gì ?

Lời văn.— Bị « ùng-đỉnh » là đi thế nào ? Phán nghĩa nơi « ùng-đỉnh » là gì ? Lấn từng nửa bánh, « nửa bánh » nghĩa là thế nào ? Câu nào ở đoạn cuối tả sự nóng ruột của người ngồi trong xe ?



21. Thị-thành buổi sáng

Thị-thành dậy sau đêm yên ngủ,
Kia ánh hồng buông phủ đó đây.
Gió nhẹ nhẹ đầy làn mây,
Tơ-vương động ở cảnh cây cựa mình.
Tưng-bừng quá l Bình-minh ngày mới.
Tiếng rao hàng ơi ới đưa nhau,
Từng đoàn xe trước, xe sau,
Vịt, gà, than, gạo, trái, rau nhập thành.
Các em bé học-sinh đến lớp.
Những thợ-thuyền, công-chức ngược xuôi.
Buổi mai phố-xá đầy người,
Nếp sinh-hoạt mới dưới trời tự-do.

THỊ-ĐẠNG ĐIỂM-LẠI

Phát-âm :

Buông — xuôi — lòn mây — rao — rau.

Giải-nghĩa :

Buông : thả xuống, rủ xuống.

Tơ vương : hạt sương rơi xuống nhỏ như sợi tơ.

Cựa : chuyển-động.

Bình-minh : lúc mặt trời hé mọc ở chân trời.

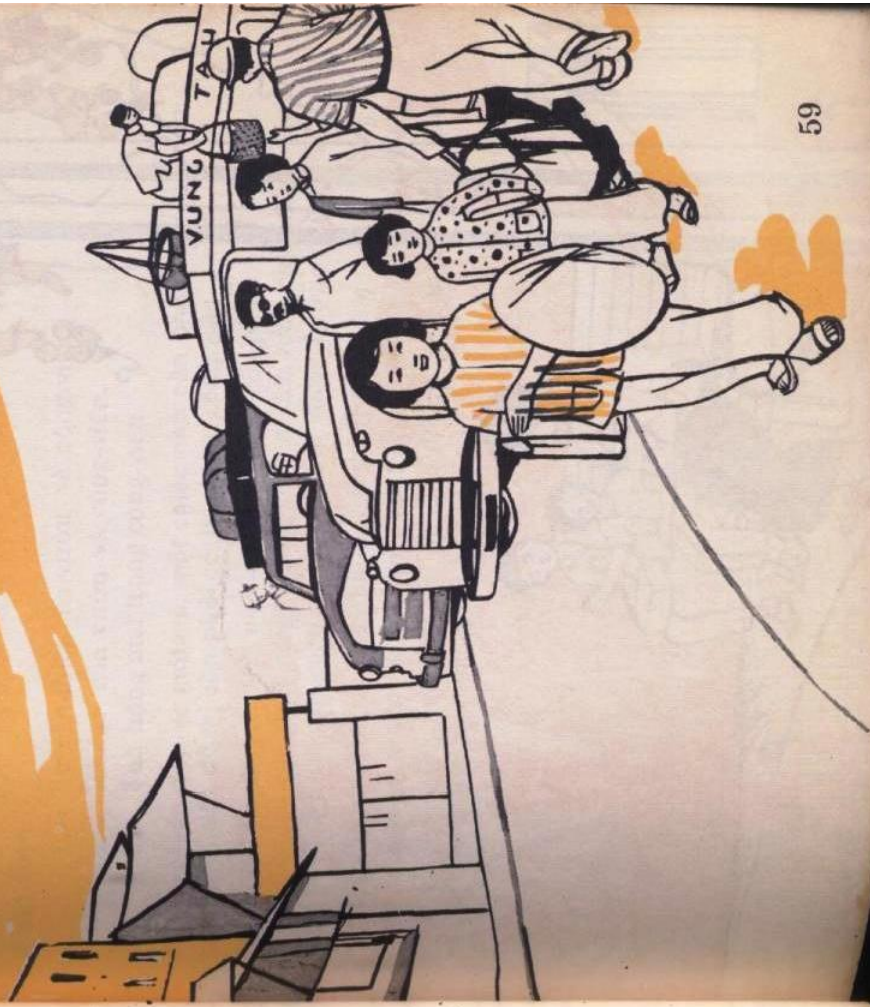
Nếp sinh-hoạt : cách làm ăn, sinh sống.

Đợi-y :

Thành-thị lại bắt đầu hoạt-động tấp-nập, òn-òo khi bình-
minh hé rạng.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Thị-thành dậy lúc nào ? Buổi sáng hôm
ấy cảnh trời thế nào ? Kề công việc của mỗi người. Quang-cảnh phố-
xã lúc đó thế nào ?

Lời văn. — « Ánh hồng » là gì ? Cảnh cây cựa mình,
« cựa » nghĩa là gì ? Những tiếng nào tả cảnh tấp-nập của thị-
thành ? « Ngược xuôi » ý nói gì ?



22. Những công-viên trong thành-phố

1. Một chiếc nhà dù nhỏ đến đâu, muốn đẹp cần phải có một mảnh vườn nhỏ. Một đô-thị cũng vậy, muốn đẹp cần phải có ít nhiều công-viên.

2. Khu vườn nhỏ ấy, buổi chiều, một gia-đình ra ngồi chơi cho thoáng hơi, hóng mát. Những người ở các căn nhà chật hẹp không có vườn lại thiếu ánh sáng, thiếu không-khí, buổi chiều có thể ra vườn hoa công-cộng để nghỉ ngơi.



3. Còn gì thú bằng những buổi chiều nóng nực, mặc chiếc áo mỏng, ra vườn hoa công-cộng gần nhà, tìm một gốc cây to hoặc bên bãi cỏ ngồi xem sách hay nói chuyện với một vài bạn thân! Mũi cỏ thơm, bóng cây râm mát, chung quanh toàn thấy cỏ cây, hoa lá, trời mây... không-khí trong trẻo, gió thổi luôn luôn, cũng đủ làm cho óc con người được thanh-thoai.

ANH-TUẤN

Phát-âm : Những — chuyên — toàn.

Giai-nghĩa : Công-viên : vườn hoa chung của thành-phố để cho mọi người xem. Thoáng hơi : nói không-khí được thay đổi luôn. Hóng mát : đón lấy, hứng lấy gió mát. Công-cộng : của chung, của mọi người. Thanh-thoai : rảnh rang, dễ chịu.

Phân đoạn :

- 1.— Sự cần-thiết của vườn và công-viên.
- 2.— Ích-lợi của vườn và công-viên.
- 3.— Thú hóng mát trong công-viên.

Đại-ý : Muốn đẹp và mát-mê, một chiếc nhà cần phải có mảnh vườn cũng như một đô-thị cần phải có ít nhiều công-viên.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Một ngôi nhà muốn đẹp cần phải có gì? Một đô-thị muốn đẹp cần phải có gì? Công-viên có ích nhất cho những gia-đình nào? Ngồi trong công-viên, người ta được hưởng những gì?

Lời văn.— Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng « công » như công-viên. Phản nghĩa với « chật hẹp » là gì? Câu nào trong đoạn cuối tả cảnh mát mẻ và khoáng đãng nơi công-viên? Tiếng « hoặc » có thể thay bằng tiếng nào?



23. Giải-trí không tốn tiền

1. Một buổi chiều thứ bảy, trong túi không có tiền, người ta có thể thủng-thắng đi trên hè đại-lộ Lê-lợi, đường Tự-do để ngắm cảnh òn-ào tấp-nập của thủ-đô Sài-gòn. Người ta có thể dạo trên bờ sông Sài-gòn để hừng mát, để coi những chiếc tàu không-lồ tối-tán neo ở bến. Đi xa chút nữa, người ta bước vào Thảo-cầm-viên để hưởng bóng mát và coi những con thú lạ.

2. Buổi tối thứ bảy, rất nhiều cuộc giải-trí công-cộng được tổ-chức tại nhiều địa-điểm trong thành-phố. Đó là

những buổi hòa-nhạc chiếu bóng, ca kịch ngoài trời do chính-quyền hoặc các hội văn-hóa tổ-chức. Các chương-trình giải-trí công-cộng thường xuất-sắc và hấp-dẫn rất nhiều dân-chúng tham-dự.

HUY-SƠN

Phát-âm : Bảy — giải-trí — ngoài — xuất-sắc.

Giải-nghĩa : Neo : bỏ neo xuống để giữ cho thuyền, tàu đứng lại (cái neo là đồ dùng bằng sắt có hai mỏ thả xuống đáy nước để giữ thuyền, tàu). **Giải-trí :** làm cho trí-óc được thoải-mai sau khi làm việc mệt-nhọc. **Địa-điểm :** một nơi, một chỗ. **Xuất-sắc :** trội hơn hết. **Hấp-dẫn :** thâu hút được nhiều người.

Phân đoạn :

1. — Các cuộc dạo chơi trong thành-phố chiều thứ bảy.

2. — Cuộc giải-trí công-cộng buổi tối thứ bảy tại đó-thành.

Đại-y : Ở Sài-gòn, vào chiều và tối thứ bảy, người ta có thể dự nhiều cuộc giải-trí lành-mạnh mà không phải tốn tiền.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Muốn ngắm cảnh òn-ào tấp-nập của thủ-đô mà không tốn tiền, người ta thường đi dạo ở đâu ? Người ta còn có thể giải-trí không tốn tiền bằng những cách nào nữa ? Các cuộc giải-trí công-cộng ngoài trời do ai tổ-chức ? Tại sao các chương-trình giải-trí công-cộng hấp-dẫn được nhiều người ?

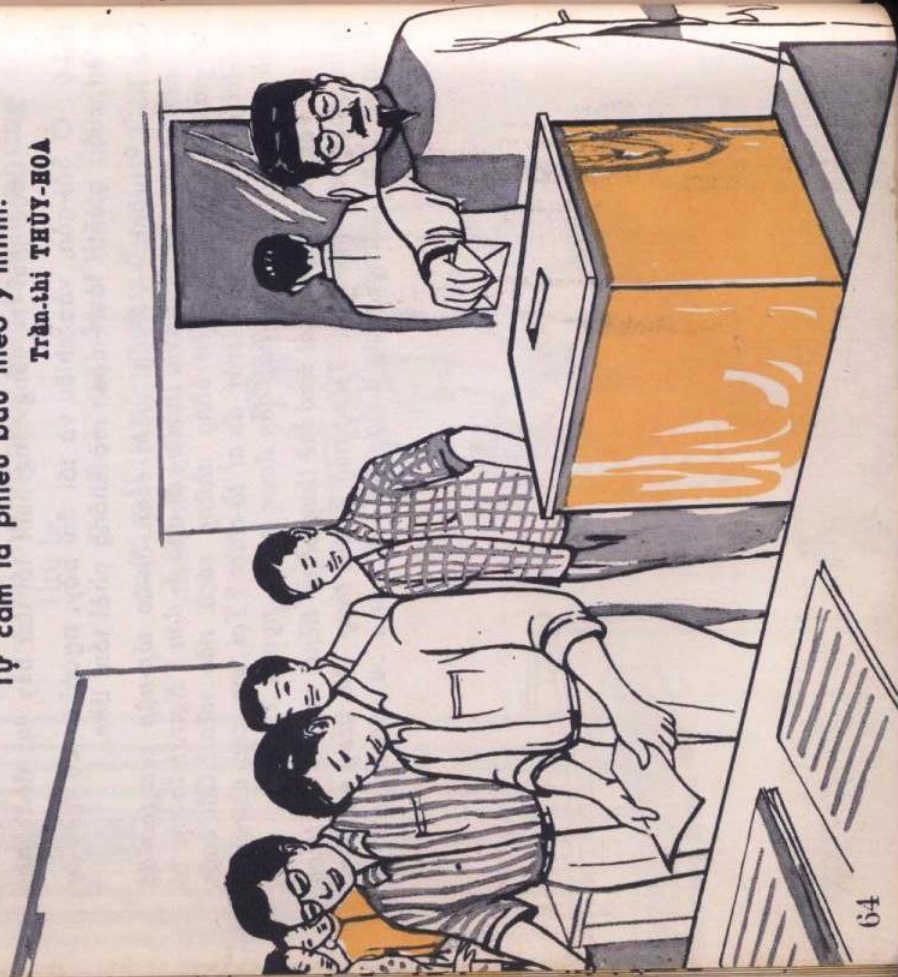
Lời văn. — « Hừng mát » có thể thay bằng tiếng nào ? Tìm tiếng phản-ngiã với « òn-ào ». Tiếng nào có thể thay cho tiếng « thủng-thắng » ? Tìm những tiếng đồng-âm với « hè » và cho thí dụ về mỗi tiếng ấy.



24. Ngày vui

Hôm nay sáng ửng nắng hồng,
Ngày vui đã đến bờ công mong chờ.
Người người dậy lúc tinh mơ,
Gọi nhau rí-rít qua bờ giậu xanh :
« Nay, này... cô, bác, cậu, anh...
Bầu ban Trị-sự áp mình, ta đi... »
Đường vào trụ-sở mai nọ,
Người chen kẻ chúc như kỳ hội xuân.
Đồng-bào tụ họp. trong sân,
Cử-tri nam, nữ, già, trẻ, nghè,
Tự cầm lá phiếu bầu theo ý mình.

Trần-thị THỦY-HOÀ



Phát-âm : Giậu — xinh — tinh mơ — vào — qua.

Giải-nghĩa : Ứng : nổi lên màu đỏ hồng.

Tinh mơ : tờ mờ sáng, lúc chưa trông rõ mặt người.
Kỳ : dịp, ngày nhất định.

Đại-ý : Ngày bầu-cử ban Trị-sự ắp là ngày vui nhất trong làng.

Câu hỏi :

Ý-tưởng.— Ngày vui đây là ngày gì ?

Người ta gọi nhau đi đâu ?

Đường vào Trụ-sở thế nào ?

Đồng-bào tụ họp ở đâu ?

Đề làm gì ?

Lời vốn.— « Lúc tinh mơ » là lúc nào ?

Tiếng nào được dùng để tả cảnh mặt trời mới mọc ?

Câu nào tả cảnh bầu-cử trút-tự ?

Câu nào tả tinh-cách tự-do và bình-dẳng của cuộc bầu-cử ?

25. Gia-đình giáo-dục

1. Gia-đình là nền-tảng của xã-hội, cho nên sự giáo-dục con cái ở trong gia-đình là một điều rất quan-trọng. Song sự giáo dục ấy không phải là giáo-dục truyền-thụ như ở nhà trường, mà chỉ là một thứ giáo-dục kinh-nghiệm.
2. Ở trong gia-đình, những điều trẻ trông thấy, nghe thấy hàng ngày lần lần tạo thành cho nó những tính-tình, tập-quán, tin-ngưỡng và tư-tưởng. Không ai dạy bảo mà lần lần nó biết những nghĩa-vụ của nó đối với cha mẹ, anh



em, họ-hàng, cùng tổ-tiên. Nó chỉ nhờ kinh-nghiệm mà biết rằng cái đạo tôn-nghiêm nhưt của con cái ở trong gia-đình là đạo hiếu. Đạo hiếu khiến ta phải sửa mình và giữ-gìn thân-thể, trau-giồi tâm-hồn để thờ cha mẹ tổ-tiên ; đối với người trên kẻ dưới, ta phải có đức trung-thự.

3. Đạo hiếu ấy, phụ-huynh cũng thường khuyên dạy con em, song phần nhiều là do kinh-nghiệm hàng ngày.

ĐẠO DUY ANH

Phát-âm : Trong — tróng — dạy — trau-giồi.

Giải-nghĩa : Truyền-thụ : trao dạy cho người khác.

Kinh-nghiệm : những điều đã từng-trải và ngắm-xét qua rồi.

Tập-quán : thói quen.

Tín-ngưỡng : sự tin-tưởng phụng-thờ.

Tư-tưởng : những điều mình tưởng nghĩ.

Trau-giồi tâm-hồn : sửa luyện tinh-khi của mình.

Trung-thự : ở hết lòng và có độ-lượng.

Phân đoạn :

- 1.— Sự quan-trọng của giáo-dục gia-đình.
- 2.— Đạo tôn-nghiêm nhất của con cái là đạo hiếu.
- 3.— Đạo hiếu phần nhiều do kinh-nghiệm truyền-thụ.

Đại-ý : Gia-đình giáo-dục là thứ giáo-dục do kinh-nghiệm tạo thành, nhờ thế con cái trong nhà trở nên hiếu-thảo.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Tại sao sự giáo-dục con cái ở trong gia-đình lại là điều quan-trọng ? Đạo tôn-nghiêm nhất của chúng ta trong gia-đình là gì ? Đạo hiếu khiến ta phải làm gì ?

Lời văn.— Tìm tiếng đồng nghĩa với « nghĩa-vụ ». « Sira mình » nghĩa là gì ? Phép giữ-gìn thân-thể gọi là gì ? Người con không có hiếu với cha mẹ thì gọi là gì ?



26. Tục tràu cau

1. Tục « tràu cau » tương truyền từ đời Hùng-Vương thứ Bốn với một lịch-sử rất cảm-động.
2. Tổ-tiên ta xưa ưa chuộng « tràu cau », coi như một món thực-phẩm quý giá. Những ngày giỗ, tết, cúng vái, cười hỏi, người ta luôn luôn dùng tràu cau, vì nó biểu-hiệu cho sự thanh-kính, trong-sạch và sự thủy-chung.

Đối với các cụ xưa, mỗi khi khách đến chơi nhà là phải có coi tràu tiếp khách, vì « miếng tràu là đầu câu chuyện ».

Về mùa rét, ăn miếng tràu, ta thấy thơm thơm, ấm ấm, lại bền răng.

3. Ngày nay, người ta ít ăn tràu, ít dùng nó trong việc tiếp khách, tuy nhiên trong việc lễ bái, cười hỏi, vẫn còn dùng đến.

Theo HỒNG-THIỆN
(Văn-hóa nguyệt-san)

Phát-âm : Lịch-sử — xưa — thủy.

Giải-nghĩa : Tương truyền : trao lại, kể lại. Côm-động : khiến ta vui lòng. Thực-phẩm : thức ăn. Biểu-hiệu : dấu hiệu bày ra. Thủy-chung : (Thủy = trước, chung = sau) ăn ở có trước sau, không bội-bạc. Tiếp khách : đón mời, nói chuyện với khách.

Phân đoạn :

- 1.— Lịch-sử của tục tràu cau.
- 2.— Việc dùng tràu cau thời xưa.
- 3.— Việc dùng tràu cau ngày nay.

Đại-ý : Tràu cau biểu-hiệu tình thân và lòng thành-kính. Ngày nay người ta ít ăn tràu nhưng tràu cau vẫn được dùng trong việc lễ bái cười hỏi.

Câu hỏi : Ý-thường.— Tục dùng tràu cau có từ bao giờ? Tràu cau thường được dùng trong những dịp nào? Theo các cụ ăn tràu có ích gì? Ngày nay người ta dùng tràu cau trong việc gì?

Lời văn.— Tìm tiếng phản-ngĩa với « quý giá ». « Miếng tràu là đầu câu chuyện » nghĩa là gì? Tìm vài tình-từ ghép như « thơm thơm », « ấm ấm. »





27. Làm con phải hiếu

Em ơi ! ghi nhớ lời này,

Mẹ cha sinh dưỡng ơn dày biết bao,

Sánh cùng biển rộng non cao,

Bao-la công-đức dạt dào tình thương,

Cho em cấp sách đến trường,

Mong em thành-đạt trên đường tương-lai.

Quần chi thảng rộng năm dài,

Lo cho em được ấm ngoài, no trong.

Em ngoan, cha mẹ vui lòng,

Em hư, cha mẹ vô-cùng khổ đau.

Em ơi ! ghi lấy lời sau :

« Làm con có hiếu, mới mau nên người. »

LINE-VƯƠNG

Phát-âm :

Này — đây — dạt-dào — ngoan — ngoài.

Giải-nghĩa :

Sinh-dưỡng : đẻ ra và nuôi cho lớn.

Công-đức : việc làm ăn khó-nhọc để nuôi dạy con nên người.

Thành-đạt : nên người có nghề-nghiệp, có chức-vụ.

Tương-lai : ngày sau.

Có hiếu : ăn ở phải đạo với cha mẹ.

Đại-ý :

Làm con phải nhớ công-ơn cha mẹ.

Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Chị khuyên em điều gì ?

Mẹ cha có công gì với ta ?

Công cha mẹ sánh với gì ?

Em phải làm thế nào để vui lòng cha mẹ ?

Lời văn. — Biển rộng, non cao, tiếng « non » có thể được thay bằng tiếng gì ?

Làm một câu ngắn với tiếng « quân » ?

Những câu nào được dùng để kể công-ơn cha mẹ ?

Kể những tiếng tình-từ trong 6 câu đầu.

Túi tiền bỏ quên

Gặp ngày phiên chợ, một người lái buôn đem hàng ra tính bán được hết cả và thu được một món tiền lớn. Anh ta mua vàng bỏ cả vào một cái túi da, khóa kỹ lại và vui-vẻ xách về.

Khi đi qua nhà Thờ Đức-Bà, anh rẽ vào cầu-nguyên và cảm tạ Chúa đã cho anh buôn may bán đắt. Anh đặt túi vàng trước mặt và đọc kinh. Lúc về óc anh còn mãi trầm-tư nên quên băng không cầm túi vàng ra.

Lát sau, một người thợ mộc trong thành-phố vào châu, ngồi đùng chỗ người lái buôn vừa bỏ ra. Người đó nhìn thấy cái túi dây cộm biết trong đựng tiền nhiều. Anh ta nghĩ : ta sẽ làm thế nào bây giờ ? Nếu ta tri-hồ lên là bắt được túi tiền, nhiều kẻ tham tâm đến nhận vợ thì khó xử lắm.

Anh ta nhất định đem túi tiền về nhà rồi viết ở ngoài cửa câu sau này :

Nếu ai đánh mất cái gì, xin cứ hỏi tại đây.

Người lái buôn đi một lúc lâu sức nhớ đến túi vàng hối-hoảng trở lại nhà Thờ tìm, nhưng chẳng thấy gì. Anh ta tìm Cha Xứ đề hỏi thì người cũng không biết gì hơn anh ta. Bực mình anh ta đi lang thang ngoài phố, không biết làm cách gì đề lấy lại túi vàng. Chợt anh ta đi ngang qua nhà người thợ mộc thấy ngoài cửa viết câu bá-cáo trên. Anh ta liền dừng lại hỏi người chủ đang đứng ở cửa :

— Ai viết câu này ?

Người thợ mộc giả cách không biết gì và hỏi lại anh ta :

— Thế bác có mất vật gì không ?

— Trời ơi ! Tôi vừa bị mất một vật quan-trọng.

— Vật gì ?

— Một túi đầy vàng và khóa kỹ.

Rồi anh ta tả cái túi da, tả cái khóa. Người thợ mộc biết anh ta nói thật liền dẫn anh vào trong nhà, chỉ chỗ để cái túi và bảo anh ta cầm lấy.

Người lái buôn thấy nhà người thợ mộc nghèo mà anh ta lại thật-thà, trung-tin như thế nên trả lời :

— Tôi không đáng có số vàng này. Bác, bác xứng đáng hơn tôi, bác hãy giữ lại. Tôi biếu bác đấy.

Người thợ mộc đáp :

— Bạn ơi ! Không được. Tôi không có quyền nhận túi vàng này. Bác cầm lấy túi vàng.

Người lái buôn nói :

— Không, tôi không lấy nữa. Tôi phải ra về cho tâm-hồn tôi được thanh thản.

Nói xong, anh ta chạy trốn. Anh ta chạy nhanh quá, người thợ đuổi theo không kịp liền la lớn :

— Ăn cắp, bắt hộ tôi tên ăn cắp !

Hàng xóm đổ ra đuổi theo bắt được người lái buôn và điệu đến cho người thợ. Họ hỏi :

— Nó ăn cắp cái gì thế ?

— Anh này ăn cắp « danh-dự và lòng liêm-khiết » của tôi mà tôi đã cố giữ trọn vẹn suốt đời tôi.

Người thợ kể lại câu chuyện vừa xảy ra. Những người hàng xóm liền bắt người lái buôn phải lấy lại túi vàng.

NHƯ-TUYẾT dịch

Đạo-ý : Danh-dự quý hơn tiền tài.

28. Lễ cưới

1. Trước hôm cưới, mấy cô mang đồ biếu : những gói xinh xẻo, giấy đỏ đựng ít trà tâu và một sen, cùng thiệp mời bạn bè và kẻ quen thuộc bên nhà trai. Hôm đó, các cô phấn sáp, trang-diêm lộng-lẫy, phục-sức rất lịch-sự.

Người ta đã thuê mấy chiếc xe hơi bóng loáng, mới tinh để dùng vào việc chạy đó đây. Nhân việc vui mừng, nhà chủ rể trang-hoàng trần-thiết thật đẹp.

2. Sáng ngày tung bưng đồ, chủ rể mặt tươi như hoa đi với mấy người bạn thân, gọi là phù-rê, đến nhà có dâu.

Khi các ô-tô nhà trai đến cửa, họ đốt một bánh pháo để báo tin đã tới.

3. Họ nhà gái cử một người ra đón họ nhà trai. Khi mọi người đông đủ vào cả trong nhà rồi, một tiệc trà được bày ra thết khách. Vừa uống vừa nhấm nháp thường-thức bánh kẹo, ai nấy chuyện trò vui-vẻ. Khi làm lễ gia-tiền và chúc cha mẹ vợ rồi, hai họ dẫn dâu về nhà chồng.

TOAN-ANH

(Phong lưu đồng ruộng)

Phát-âm : Bóng loáng — trang-hoàng — đã — chuyên-trò.

Giải-nghĩa : Phục-sức : (phục = đồ mặc, sức = đồ trang-diêm) quần áo và đồ nữ-trang. Trần-thiết : bày biện, sắp đặt. Nhấm nháp : ăn ít chút thôi. Thường-thức : xem để biết cái hay, cái đẹp ; đây là ăn để biết vị ngon. Gia-tiền : (gia = nhà, tiền = người trước) tổ-tiên trong nhà.

Phân đoạn :

- 1.— Trước hôm cưới, nhà gái đem trà, một biếu họ hàng.
- 2.— Ngày cưới, chủ rể đến nhà có dâu.
- 3.— Nhà gái thết khách và làm lễ cho cô dâu về nhà chồng.

Đại-ý : Lễ cưới ở nước ta thường được tổ-chức rất trang-trọng theo tục cổ-truyền.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Trước hôm cưới, bên nhà gái làm gì ? Bên nhà trai trang-hoàng nhà cửa thế nào ? Khi đi đón dâu, chủ rể mời ai đi cùng ? Khi làm lễ gia-tiền nhà gái xong thì hai họ bắt đầu làm gì ?

Lời văn.— Nhà gái là nhà ai ? Nhà trai là nhà ai ? Hai họ chỉ những người nào ? Mặt tươi như hoa nghĩa là gì ? Nhấm nháp là ăn thế nào ?



29. Đêm Giao-thừa

1. Trên bàn thờ, dưới ánh sáng rực-rỡ của đèn nến, những đồ thờ bằng đồng lấp-lánh. Miệng con sấu trên nắp đỉnh lạng-lẽ tuôn khói. Làn khói xanh phơn phớt trắng bốc lên, tỏa ra, thơm ngát.

Bích đặt hai cái cốc thủy-tinh lên bàn thờ rồi thấp thêm hương xạ.



2. Trên chiếc sập gụ giải chiếc chiếu hoa cạp điều, kê trước bàn thờ, cụ giao lễ thông-thả; rồi quỳ xuống giữa sập, cụ kinh-cần khấn, khấn xong cụ lại lễ. Tiếng pháo nổ vang lên, mùi pháo khét xông vào tận trong nhà. Pháo tuy khét, nhưng đem lại cho ta cái hương-vị ngày Tết.

3. Xong việc ở nhà, cụ giao ra đình làm lễ Giao-thừa, còn cụ bà thì xuất-hành.

Thọ và Bích lại đi ngủ.

Bốn bề im lặng.

Trên bàn thờ đèn nến vẫn sáng, khói trầm vẫn tuôn lên, lan rộng ra, tan dần, biến mất.

NGUYỄN KHẮC MÃN
(Nổi lòng)

Phát âm : Phan phớt — dật — tuy.

Giải-nghĩa : Hương xạ : (xạ là chất thơm hăng lấy ở bùi một loài thú) thứ hương làm bằng xạ, rất thơm. Sập : thứ giường chân liền chung quanh có diềm. Gụ : thứ gỗ tốt, nhiều vân dễ đánh bóng, dùng để đóng đồ. Giao-thừa : lúc năm cũ và năm mới giáp nhau. Xuất-hành : ra đi, đây là chọn hướng tốt để ra ngoài, mong cho trọn năm đi đâu cũng được may-mắn. Trùm : thứ gỗ thơm thường dùng làm hương để đốt.

Phân đoạn :

1.— Bàn thờ tổ-tiên đêm Giao-thừa.

2.— Cụ giao lễ Giao-thừa tại nhà.

3.— Cụ giao ra đình lễ Giao-thừa.

Đại-y : Đêm Giao-thừa, dân ta có lệ cúng gia-tiên rồi ra đình lễ thần.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Đêm Giao-thừa là đêm thế nào? Đêm Giao-thừa cụ giao làm gì trước bàn thờ? Việc lễ ở nhà xong rồi cụ giao đi đâu? Còn cụ bà thì làm gì?

Lời văn.— Đèn nến còn gọi là gì? Hương và trầm khác nhau thế nào? Mùi pháo khét đem lại cho ta hương-vị gì?

30. Ôn thầy

Hôm nay trở lại trường xưa,
Đề xem mái ngói nắng mưa đổi màu ;
Tháng năm đồ xuống mái đầu,
Thầy ơi ! Con vẫn ghi sâu vào lòng :
Mẹ cha công ví núi sông,
Nghĩa thầy cao cả biển đông há bì ?
Ôn thầy con trả được chi.
Thầy ơi ! Nghĩa trọng con ghi nhớ đời.
Nhờ ai con được nên người,
Không hư-đốn, biết nghe lời bảo ban ?

KHÁNH LINH

Phát-âm : Nghĩa — mái — xưa — sâu.

Giải-nghĩa :

Tháng năm đồ xuống mái đầu : nói người ta mỗi tuổi một già.

Biển đông : biển ở phía đông, giáp nước ta.

Há bì : đâu có bì kịp, sánh kịp.

Đại-ý :

Người học - trở khi viếng trường xưa lại nhớ đến công ơn thầy cũ.

Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Em trở lại trường xưa để làm gì ?

Công cha mẹ vì như gì ?

Công ơn thầy sánh với gì ?

Nhờ thầy em mới được như thế nào ?

Lời văn. — « Tháng năm đồ xuống mái đầu » ý nói gì ?

Phân-nghĩa với « hư-đốn » là gì ?

Tìm tiếng đồng-âm với « sâu ». Làm một câu với tiếng « bì ».



31. Tiểu công-nghệ Việt-Nam

1. Nền tiểu-công-nghệ Việt-Nam có một tương-lai chắc-chắn và rực-rỡ. Nhờ sự cần-cù, sức sáng-tác và tài mô-phỏng của dân-tộc, ta chế-tạo được đủ các thứ vật-dùng háng ngày.

2. Chẳng thế mà trong bao nhiêu năm chinh-chiến trước đây, đã có lúc lâm vào cảnh cô-lập và bị phong-tỏa, dân-tộc ta vẫn có thể tự-túc, không đến nỗi thiếu-thốn.

Đồ thêu, đồ đen, đồ cần, đồ ngà, đồ bạc vẫn được người ngoại-quốc hoan-nghehnh và thân-phục. Trình bày ở các cuộc đấu-xào quốc-tế, những hóa-phẩm Việt-Nam đã từng được giải thưởng danh-dự, làm vẻ-vang cho nòi giống.

3. Ngày nay, dân-tộc ta được độc-lập, lại được các nước bạn nâng đỡ, khuyến-khích, chắc-chắn là nền tiểu công-nghệ của ta càng thêm phát-đạt và sẽ có một tương-lai tươi sáng.

Trích « Giáo-dục Nguyệt-san »



Phát-âm : Hoan-nghehnh — giải — danh-dự — vẻ-vang — khuyến-khích.

Giải-nghĩa : Tương-lai : thời sắp tới. Mô-phỏng : rập theo kiểu mẫu mà làm ra, bắt chước. Cô-lập : đứng lẻ loi một mình. Phong-tỏa : (khóa đóng cửa biên, ngăn cấm không cho giao-thông) đây nói quân địch bao vây ở ngoài, ngăn cản không cho ngoại-hóa đưa vào trong nước. Tự-lực : tự mình kiếm đủ những cái cần-thiết. Thân-phục : (thân = khen) khen ngợi và chịu là giới. Cuộc đấu-xào : cuộc trưng-bày những hàng hóa để thi cái khéo của mình (xào = khéo).

Phân đoạn :

1. — Nhờ sức sáng-tác và tài mô-phỏng, người thợ Việt-Nam chế-tạo được nhiều vật-dùng.
2. — Sản-phẩm tiểu-công-nghệ dù dùng trong nước và được người ngoại-quốc hoan-nghehnh.
3. — Nền tiểu-công-nghệ Việt-Nam sẽ có một tương-lai tươi sáng nhờ sự nâng đỡ của các nước bạn.

Đại-ý : Nền tiểu-công-nghệ Việt-Nam có một tương-lai đầy hứa-hẹn vì dân-tộc ta có óc sáng-tác, tài mô-phỏng và được các nước bạn khuyến-khích.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Vì sao nền tiểu-công-nghệ Việt-Nam có một tương-lai tốt đẹp? Tiểu-công-nghệ của ta đã sản-xuất được những gì khiến người ngoại-quốc thân-phục? Tại sao nền tiểu-công-nghệ của ta ngày nay có cơ tiến-bộ?

Lời văn. — Tiếng đồng-nghehnh với « cần cù » là gì? « Nước bạn » của ta như những nước nào? Tương lai tươi sáng, thay hai tiếng « tươi sáng » bằng tiếng khác.

32. Nghề thuộc da và đóng giày

1. Xưa kia, nước ta chưa biết nghề thuộc da và đóng giày dép.
2. Mãi đến đời nhà Mạc, có ông Nguyễn Thời-Trung, người làng Trúc-Lâm, phủ Ninh-Giang, tỉnh Hải-Dương, mới lưu-tâm khảo xét nghề này. Ông đỗ Tiên-sĩ, làm quan hồi Mạc Đăng-Dung cầm quyền. Nhân sang sứ Tàu, ông đi qua tỉnh Hồ-Nam, nhận thấy dân ở đó làm nghề thuộc da, đóng giày rất đẹp. Nhờ nghề này, họ phát-tại lắm. Muốn thêm một nguồn sinh-kế cho dân ta, ông quyết-tâm học nghề của họ. Trước hết ông học tiếng Tàu, sau tìm cách tra-trộn với thợ Tàu để xem xét và học-tập nghề họ cho được dễ dàng. Không ngại gian-lao, bản-thịu, ông bền gan học-tập và không bao lâu, ông biết rõ được những bi-hiềm của hai nghề thuộc da và đóng giày.
3. Đến nay, hai nghề này của ta đã tinh-xảo, đó cũng là nhờ óc thực-tế của ông.

QUANG-KHÁNH

Trích « Văn-hóa Nguyệt-san »

Phát-âm : Tiên-sĩ — sinh-kế — Tàu — sau — tinh-xảo.

Giải-nghĩa : Thuộc da : (thuộc do chữ thực đọc chạnh ra, nghĩa là nấu chín) dùng thuốc chế cho da chín, da săn lại, không bư. Lưu tâm : để bụng đến, chú ý đến. Sang sứ : (sứ là người của nhà vua sai đi để làm một việc gì) thừa lệnh chính-pau đến một nước khác để mưu việc công. Sinh-kế : (sinh = sống, kế = mưu chước, cách) việc làm để nuôi thân. Thực-tế : nói về những cái thiết-thực, có ích cho đời sống hàng ngày.

Phân đoạn :

- 1.— Ngày xưa nước ta không có nghề thuộc da và đóng giày dép.
- 2.— Nhân sang sứ Tàu, ông Nguyễn Thời-Trung tìm cách học hỏi hai nghề đó về truyền cho dân.
- 3.— Ngày nay hai nghề đó được tinh-xảo là nhờ ơn ông.

Đại-ý : Ông Tiên-sĩ Nguyễn Thời-Trung, người làng Trúc-Lâm tỉnh Hải-Dương là tổ của nghề thuộc da và đóng giày dép ở nước ta.

Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Nghề thuộc da và đóng giày dép có ở nước ta từ bao giờ ?

Ai đã học các nghề này trước tiên ?

Ông Nguyễn Thời-Trung đã học các nghề đó ở đâu ?

Ông đã làm thế nào để học các nghề đó ?

Lời văn. — Người khởi đầu gây-dựng hay truyền dạy một nghề-nghiệp gì cho đồng-bào thì gọi là gì ?

Đi sứ nghĩa là gì ?

Vị quan có nhiệm-vụ đi sứ gọi là gì ?

Câu nào trong bài cho ta biết sự nhất quyết và bền gan học nghề của ông Nguyễn Thời-Trung ?





33. Trau-giỏi nghề-nghiệp

Trong trời đất nghề nào cũng quý,
Biết một nghề tuyệt-kỹ cũng hay.
Học-sinh đèn sách đêm ngày,
Văn-chương, khoa-học sau này nên danh.
Nông-dân phải tự mình tìm kiếm,
Phương-pháp hay cái-tiến lối xưa,
Tăng-gia năng-lực cây bừa,
Hoa màu thóc lúa sẽ thừa chi-tiêu.
Công-nhân ở sớm chiều trong xưởng
Việc làm xong chớ tưởng chơi bời.
Sau giờ dưỡng-sức nghỉ-ngơi,
Trau-giỏi học-vấn nên người mai-sau.

TRỌNG-HẠN

Phát-âm : Tuyệt — tăng gia — trau-giỏi — học-vấn.

Giải-nghĩa :

Trau-giỏi : chuốt cho bóng, cho đẹp, ý nói luyện-tập cho một ngày một hay, một giỏi hơn.

Tuyệt-kỹ : khéo hơn hết.

Phương-pháp : cách-thức.

Cải-tiến : sửa đổi cho tốt hơn.

Học-vấn : sự học-hỏi.

Đại-ý :

Tốt cả cần phải trau-giỏi nghề-nghiệp để nghề mình ngày thêm tiến-bộ.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Muốn nghề mình càng ngày càng hay, ta phải làm thế nào ? Học-sinh phải làm gì ? Để nghề nông-tân-lời, nông-dân phải làm sao ? Công-nhân nên làm gì sau giờ làm việc ở xưởng ?

Lời văn.— « Đèn sách đêm ngày » nghĩa là gì ? Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « nông » như « nông dân ». Kể những tình-tiết trong 2 câu đầu. Lớp dạy thêm cho thợ-thuyền vào buổi tối gọi là lớp gì ?





34. Thợ thêu

1. Trên tay người thợ thêu Việt-Nam, chiếc kim bé-bóng đã tỏ ra tài-tinh chẳng kém ngọn bút lông của nhà họa-sĩ. Một miếng vải căng thẳng trên chiếc khung tre thể cho khung lụa của họa-sĩ. Còn màu thuốc thì được thay bằng những cuộn chỉ tơ óng mượt. Bàn tay khéo-léo của người thợ thoãn-thoắt đưa dây mũi kim trên nét kiêu họa sẵn, thành những bức thêu vô cùng lộng-lẫy.
2. Nghề thêu này đã có từ lâu, do một vị đại-thần đi sứ Tàu học được đem về truyền lại cho dân-chúng.
3. Ngày nay, người thợ di-cư xuống miền Nam tự do lại bắt đầu dạy nghề họa kiêu. Do đó, đường kim mũi chỉ tinh-vi vẫn tiếp-tục kể lại lịch-sử. Nhưng nét tơ diễm-ảo lại trình bày những phong-cảnh tráng-lệ của đất nước cho toàn thế-giới thưởng-lâm.

Phát-âm : Tre — trág — môi — truyên — tinh — thoãn-thoắt.

Giải-nghĩa :

Tài tinh : khéo-léo.

Di-cư : dời chỗ ở từ nơi này đến nơi khác.

Tinh-vi : khéo-léo, kỹ-càng.

Diễm-ảo : có vẻ đẹp màu-nhiệm, tài-tinh.

Tráng-lệ : lớn-lao đẹp-đẽ.

Thưởng-lâm : xem ngắm cái đẹp.

Phân đoạn :

1. — Bàn tay khéo léo của người thợ thêu Việt-Nam.
2. — Ta học được nghề thêu của người Tàu.
3. — Nghề thêu hiện đang phát-triển tại miền Nam.

Đại-ý : Người thợ thêu Việt-Nam thêu rất khéo. Nghề này hiện đang phát-triển tại miền Nam tự-do.

Câu hỏi :

Ý-thường.— Người ta so-sánh chiếc kim của người thợ thêu với cái gì ? Tại sao ?

Người mình đã học lại nghề thêu của người nước nào ?

Kể những dụng-cụ và vật-liệu cần-thiết cho người thợ thêu ?

Lời văn.— Kể những tinh-từ ghép trong câu đầu của bài trên.

Phân-nghĩa với « khéo-léo » là gì ? « Họa kiêu » nghĩa là gì ? Nét tơ diễm-ảo, « nét tơ » đây chỉ cái gì ?

35. Thợ mộc

1. Mặt trời chiếu càng xuống, bác Tám càng ra sức làm việc. Ngồi vững trên chiếc ghế bảo, đầu cao đầu thấp, hai tay bác đẩy chiếc bảo sản sạt trên gỗ. Lưỡi bảo bén chạy đến đâu, mặt gỗ bớt xù-xi đến đó rồi trở nên láng. Những mảnh dăm mỏng như giấy cuộn tròn hoặc đứt đoạn vọt ra, rơi la tả. Bác Tám chăm-chỉ nhìn mấy đường gán đồ nôi lớn-mớ trên mặt gỗ.
2. Mồ-hôi chảy nhễ-nhại trên mình trần đen trũi của bác. Và trên vùng trán rộng thêm những giọt mồ-hôi lấm-tấm như giọt nước đọng ở vùng nôi.
3. Thình-thoảng bác ngừng tay bảo, rit mấy hơi thuốc lảo hay hớp vài ngụm nước trà nóng và tiếp-tục làm việc cho đến tối.

Theo NGỌC-SIAO

Phát-âm :

Chiều — đoạn — giọt — thuốc lảo — thình-thoảng.

Giải-nghĩa :

Chiếc bảo : đồ dùng của thợ mộc có lưỡi bằng thép để bảo mặt gỗ cho phẳng.

Láng : bóng loáng.

Dăm : miếng gỗ mỏng dùng để chèn cho chặt, đây là vỏ bảo.

Vọt : bật ra, bắn ra.

Đen trũi : đen khắp cả.

Ngụm : hớp nước.

Phân đoạn :

- 1.— Bác Tám ra sức bảo tấm gỗ.
- 2.— Việc làm của bác rất vất-vả.
- 3.— Thình-thoảng bác lại giải-lao để lấy sức làm việc cho đến tối.

Đại-ý :

Bác Tám bảo gỗ rất vất-vả. Trời càng về chiều bác càng ra sức làm cho xong việc.

Câu hỏi :

Ỗ-lương.— Bác Tám làm việc thế nào ?

Bác ngồi đầu để bảo ?

Bác bảo gỗ để làm gì ?

Công việc của bác Tám có cực nhọc không ?

Sao em biết ?

Lời vờn.— Lưỡi bảo bén, « bén » nghĩa là gì ? Phần nghĩa với « bén » là gì ? Những đường gán của gỗ còn gọi là gì ? Rit mấy hơi thuốc lảo, « rit » nghĩa là gì ?



36. Bài hát của người tiều-phu

Tay rìu, tay búa,
Vượt chân đồi lên đứng giữa trời không.
Vội ra tay dẫn dẫn gốc cây xong,
Chặt cành để chắt chùng đầu đáy.
Ngắm đóa hoa tươi, xem dòng nước chảy,
Trông con bướm liệng, nghe tiếng chim kêu.
Cảnh êm-dềm gió thổi hiu hiu,
Nhọc nhàn cũng lấy điều khoan khoái.
Trời báng láng vùng ô góc núi,
Vai nặng nề trở lại túp lều gianh.
Đường về nhẹ bước thênh thênh.

NGUYỄN HỮU TRI
(Kim-Cờ Thi-Ca)

Phát-âm : Tay — vượt — chặt — khoan-khoái — góc
— bước.

Giải-nghĩa : Rìu : thứ búa có tay ngang, then dọc đầu cầm lưỡi, dùng để đẽo. Đẵn : chặt ngang thân cây. Chặt : chém mạnh cho đứt. Báng láng : nói mặt trời sắp lặn hẳn, nửa sáng nửa mờ. Vùng ô : (ô : con quạ, người ta ví mặt trời như con quạ vàng lúc kim-ô), mặt trời. Góc núi : ở đầu núi, sắp khuất.

Đạt-ý : Người tiều-phu chặt củi trên rừng tuy khó nhọc nhưng có nhiều cái thú làm cho anh ta khoan-khoái, quên mệt mỏi.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Người tiều-phu chặt củi ở đâu ? Ở trên rừng, anh ta có những thú gì ? Những thú ấy làm cho anh ta thế nào ? Anh làm việc đến lúc nào thì nghỉ ? Anh gánh gì về nhà ?

Lời văn.— « Đẵn » và « chặt » nghĩa khác nhau thế nào ? Tìm trong bài tiếng phân-nghĩa với « nhọc nhàn ». Câu nào cho ta biết người tiều-phu gánh củi về nhà ?



Chim sơn-ca và các con

Lần nọ, chim sơn-ca mẹ làm tổ trong một cánh đồng cỏ khô. Lúc bấy giờ là mùa hạ, nó sợ những người phát cỏ sẽ đến phát trước khi con của nó lớn đủ sức để bay trốn. Vì vậy trước khi đi tìm mồi, nó bảo các chim con phải ghi nhớ những điều chúng nghe thấy. Khi chim mẹ đi rồi, các chim con nghe người chủ trại nói chuyện với đứa con: « Cha cần phải cắt cánh đồng cỏ này vì cỏ đã quá quá. Con hãy đến nhớ những người láng giềng ngày mai đến đây sớm giúp cha con mình cắt cỏ. »

Một lúc sau chim mẹ về, các chim con chiu-chít bên mẹ, thì nhau kể lại điều chúng vừa nghe và bảo mẹ dời tổ đi nơi khác. Nhưng chim mẹ bảo: « Các con đừng sợ hãi, ông ta còn phải tùy theo những người láng giềng, mẹ tin rằng họ sẽ không đến giúp. »

Hôm sau, chim mẹ đi tìm mồi và cũng dẫn con như trước. Người chủ trại đến và chờ mãi nhưng không ai đến, nên bảo đứa con: « Không ai đến giúp cha con mình, vậy con hãy đến nhớ chủ và cậu của con mai đến giúp cha con mình. »

Khi chim mẹ về, các chim con thuật lại lời của người chủ trại. Nghe xong, chim mẹ bảo: « Nếu chỉ có vậy thì không có gì đáng cho các con sợ, vì tuy là bà con nhưng chưa chắc họ luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng ngày mai các con vẫn phải nghe cho kỹ. »

Ngày hôm sau, chim mẹ cũng đi tìm mồi như thường lệ. Người chủ trại cũng đưa con đến rất sớm, nhưng chờ đến lúc mặt trời lên cao mà cũng không ai đến. Người chủ trại bèn bảo: « Con hãy sửa soạn lưới hái sẵn đề mai cha con mình sẽ tự cắt lấy vì không ai chịu giúp mình. »

Khi nghe các con kể lại như thế, chim mẹ liền bảo: « Bấy giờ đến lúc chúng ta phải dời tổ vì bất cứ ai, khi làm việc cho chính họ thì không bao giờ họ trẻ nai hoặc bỏ qua. » Chim mẹ cùng các chim con bay sang cánh đồng khác sống bình-yên.

Hôm sau, người chủ trại và đứa con ra đồng cắt cỏ, đúng như sự ước đoán của chim sơn-ca mẹ. Bấy giờ người chủ trại mới biết những điều mà chim sơn-ca mẹ đã biết từ lâu: công việc luôn luôn được tốt đẹp và mau chóng là khi tự mình làm. Không phải nhờ đến ai nếu chính mình có thể làm được.

TRẦN NGỌC-BÍCH
(Tuổi xanh)

Đại-ý: Phải tự lực mà làm, đừng ý lợi vào người khác.